

**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ  
ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN**

Số: 181/TTr-PAP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 10 tháng 05 năm 2022

**TỜ TRÌNH**

V/v: Phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Phân kỳ 1 khu cảng; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần- Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty xem xét, phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công, Dự toán Phân kỳ 1 Dự án Cảng Phước An và Thiết kế Dự toán san lấp mặt bằng khu Dịch vụ hậu cần, theo báo cáo đính kèm.

Trân trọng kính trình./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban kiểm soát;
- Lưu VT, BQLDA.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thành Đạt**



## **BÁO CÁO**

V/v: Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Phân kỳ 1 khu cảng; Hồ sơ thiết bản vẽ thi công, dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần- Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.

Kính gửi: Hội đồng Quản trị Công ty.

- Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014 đã được sửa đổi Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Quyết định số 1579/QĐ - TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Căn cứ Quyết định số 3655/QĐ-BGTVT ngày 12/12/2017 của Bộ Giao thông Vận tải;
- Căn cứ Nghị quyết 098/NQ-PAP ngày 08/3/2011 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác cảng Phước An về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Dự án cảng Phước An, tuyến đường kết nối vào cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng”;
- Căn cứ Quyết định số 2748/QĐ-BTNMT ngày 05/09/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic)”;
- Căn cứ Nghị quyết 107/NQ-PAP ngày 28/5/2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty PAP về việc phê duyệt bổ sung phương án huy động vốn để triển khai dự án và Điều chỉnh quy mô Phân kỳ 1 của dự án cảng Phước An;
- Căn hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh Phân kỳ 1 khu cảng của dự án cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần cảng do Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế cảng – kỹ thuật biển lập tháng 04/2021;
- Căn cứ Báo cáo Thẩm tra của Viện Xây dựng Công trình biển số: 3/2021 ngày 27/04/2021 về việc báo cáo thẩm tra điều chỉnh thiết kế cơ sở Phân kỳ 1 khu cảng của dự án cảng Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần cảng;
- Căn cứ văn bản số 1511/CQLXD-DAĐT ngày 16/6/2021 của cục QLXD&CLCTGT của Bộ Giao thông vận tải về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở điều chỉnh Phân kỳ 1 khu cảng của dự án cảng Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần cảng;
- Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-PAP ngày 10/06/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An về việc Phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho công tác khảo sát và thiết kế dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng;



- Căn cứ văn bản số 3521/CHHVN-KHĐT ngày 27/08/2021 của Cục Hàng hải Việt Nam về việc thỏa thuận vị trí, quy mô bến cảng Phước An (giai đoạn 1);
- Căn cứ Nghị quyết số 218 /NQ-PAP ngày 25/11/2021 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về Phê duyệt Chủ trương Điều chỉnh dự án Cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic);
- Căn cứ Quyết định số 236/QĐ-PAP ngày 30/11/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty về Phê duyệt điều chỉnh thiết kế cơ sở Phân kỳ 1 khu cảng Phước An;
- Căn cứ Báo cáo Thăm tra của Viện Xây dựng Công trình biển số: 182/2021 ngày 29/11/2021 về việc báo cáo Thăm tra Thiết kế bản vẽ thi công Phân kỳ 1 khu cảng của dự án cảng Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần cảng;
- Căn cứ văn bản số 289/CQLXD-CNPN ngày 28/01/2022 của Cục QLXD & CLCTGT – Bộ Giao Thông Vận tải về Thăm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở Phân kỳ 1 khu cảng của Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic);
- Căn cứ Hồ sơ Thiết kế bản vẽ Thi công và Dự toán Phân kỳ 1 khu cảng điều chỉnh do Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng - Kỹ thuật Biển (Portcoast) xuất bản tháng 11/2021;
- Căn cứ Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán san lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng do Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh và công ty cổ phần An Sơn lập tháng 04/2022;
- Căn cứ báo cáo Thăm tra dự toán của Viện xây dựng Công trình biển số: 68/2022/BCTT ngày 29/04/2022 về việc Thăm tra dự toán Phân kỳ 1 khu cảng thuộc Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic);
- Căn cứ báo cáo Thăm tra dự toán của Viện khoa Học công Nghệ xây dựng – Bộ xây dựng số: 052/2022/KH/DT-01 ngày 04/5/2022 về việc Thăm tra dự toán Hạng mục khai hoang san lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng thuộc dự án cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần cảng.
- Căn cứ Báo cáo thẩm định dự toán của Ban quản lý án Công ty PAP số 170/BC-QLDA ngày 6/05/2022 về việc thẩm định dự toán Phân kỳ 1 khu cảng Phước An – Dự án cảng Phước An;
- Căn cứ Báo cáo thẩm định dự toán của Ban quản lý án Công ty PAP số 171/BC-QLDA ngày 9/5/2022 về việc thẩm định dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần – Dự án cảng Phước An.

Ban quản lý dự án kính báo cáo Hội đồng quản về Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Phân kỳ 1 điều chỉnh khu cảng; Hồ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán san lấp Khu dịch vụ hậu cần cảng Phước An - Dự án Cảng Phước An và khu dịch vụ hậu cần cảng và cụ thể như sau:

## **A. Thiết kế bản vẽ thi công, Dự toán Phân kỳ 1 điều chỉnh Khu Cảng.**

### **I. Thông tin về Dự án.**

1. Tên công trình: **Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng - Phân kỳ 1 khu cảng.**

2. Loại, cấp công trình: Công trình hàng hải, cấp I.

3. Thuộc dự án: Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic).

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:

- Chủ đầu tư: **Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An.**

- Địa chỉ: Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Điện thoại: 0251 3685588.



5. Địa điểm xây dựng: xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 4.806.737.877.000 đồng.
7. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển (Portcoast).
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Cảng – Kỹ thuật Biển (Portcoast).
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Viện Xây dựng Công trình Biển (Icoffshore).
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-PAP ngày 10/06/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho công tác khảo sát và thiết kế dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.

**II. Thành phần hồ sơ (theo phụ lục đính kèm).**

**III. Nội dung thiết kế.**

**1. Quy mô xây dựng.**

Công trình cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic) – Phân kỳ 1 được thiết kế bao gồm các hạng mục sau:

- Cầu cảng: tiếp nhận tàu có trọng tải đến 60.000 DWT (kết cấu bên được tính toán để tiếp nhận tàu trọng tải đến 80.000 DWT mục đích dự phòng cho tương lai); Cao trình đỉnh bến +2,80m, cao trình đáy bến -17,50m (hệ cao độ Hòn Dấu).
- Nạo vét khu nước trước bến;
- Kè bảo vệ bờ;
- San lấp và xử lý nền;
- Đường bãi và cầu vượt nội bộ;
- Hạ tầng kỹ thuật;
- Công trình phụ trợ.

**2. Tàu thiết kế.**

Loại tàu	Ký hiệu	Tàu thiết kế			
		10.000	30.000	60.000	80.000
Trọng tải tàu	DWT	10.000	30.000	60.000	80.000
Chiều dài tàu	LOA(m)	134,0	206,0	271,0	300,0
Chiều rộng tàu	B(m)	21,6	29,1	35,2	40,3
Chiều cao tàu	D(m)	10,7	16,5	21,7	23,6
Món nước tàu đầy hàng	T <sub>f</sub> (m)	7,7	10,7	13,2	14,5

**3. Tải trọng khai thác trên cầu cảng.**

- Tải trọng cần trục.
- Tải trọng hàng hóa và phương tiện thiết bị hoạt động trên bến (trừ cần trục bốc xếp hàng trước bến) được quy về tải trọng phân bố đều là 40 kN/m<sup>2</sup>.
- Tải trọng phương tiện thiết bị hoạt động trên cầu dẫn là 20 kN/m<sup>2</sup>.

#### 4. Điều kiện khai thác cầu cảng.

- Điều kiện cho phép neo tàu tại bến:
  - + Vận tốc gió tối đa  $V_{\text{gió}} = 20,7 \text{ m/s}$ ; Khi vận tốc gió trên  $20,7 \text{ m/s}$ , tàu phải rời bến và tìm nơi an toàn neo đậu.
  - + Vận tốc dòng chảy theo phương dọc:  $V_{\text{dc}} = 0,8 \text{ m/s}$ ;
  - + Vận tốc dòng chảy theo phương ngang:  $V_{\text{dc}} = 0,3 \text{ m/s}$ ;
  - + Số điểm neo tối thiểu là 6 điểm.
- Vận tốc cập tàu theo phương vuông góc tuyến mép bến và góc cập tàu:
  - + Tàu 10.000DWT:  $V_{\text{ct}} \leq 0,17 \text{ m/s}$  (góc cập tàu  $\leq 10^\circ$ );
  - + Tàu 60.000DWT:  $V_{\text{ct}} \leq 0,09 \text{ m/s}$  (góc cập tàu  $\leq 6^\circ$ );
  - + Tàu 80.000DWT:  $V_{\text{ct}} \leq 0,08 \text{ m/s}$  (góc cập tàu  $\leq 6^\circ$ ).

#### 5. Giải pháp kết cấu cầu cảng.

##### 5.1. Hạng mục 1: Bến.

###### 5.1.1. Cầu cảng.

Tổng chiều dài là 670m gồm 02 cầu cảng dài 335m, rộng 45m được chia thành 06 phân đoạn gồm 04 phân đoạn dài 117m và 02 phân đoạn dài 101m, giữa các phân đoạn có bố trí khe co giãn rộng 20mm. Cầu cảng được thiết kế dạng kết cấu dầm bản trên nền cọc ống PHC. Kết cấu chính như sau:

a. Nền cọc: Tổng số 1.186 cọc, gồm 280 cọc PHC đường kính 800 mm, dày 120 mm, loại C, đóng xiên 6:1 và 906 cọc PHC đường kính 800 mm, dày 120 mm, loại C, đóng thẳng.

b. Hệ thống dầm, sàn:

Hệ thống dầm bao gồm dầm cần trục, dầm dọc, dầm ngang và đài cọc bằng BTCT, đá 1x2 cm, cường độ 35 Mpa; kích thước (b x h) của hệ thống dầm BTCT như sau: dầm cần trục 1.400mm x 1.900mm, dầm dọc 1.400mm x 1.500mm và dầm ngang 1.400mm x 1.450mm.

- Sàn BTCT đá 1x2 cm, cường độ là 35Mpa, dày 450 mm, phía trên phủ lớp bê tông có chiều dày từ 50 mm đến 160 mm.

c. Hệ thống phụ trợ:

- Bích neo tàu: loại gang đúc có khả năng chịu lực neo 150 T. Tổng số bích neo là 25 bộ, khoảng cách là 28 m, liên kết bến bằng các bu lông cố định.

- Đệm va: Đệm va dùng loại đệm va hình côn có chiều cao đệm 1.200 mm, năng lượng hấp thụ tối thiểu  $E \geq 575 \text{ kNm}$ , phản lực tối đa  $R \leq 916 \text{ kN}$ , độ biến dạng tối đa  $\Delta \leq 70\%$ . Tổng số đệm va bố trí trên bến là 50 bộ, khoảng cách là 14 m, tất cả được liên kết vào kết cấu bến bằng các bu lông cố định đã được chôn sẵn.

- Cầu thang: Tổng số cầu thang bố trí là 25 bộ, khoảng cách cầu thang là 28 m, Kích thước cầu thang: 5,6 m x 0,4 m (dài x rộng). Cầu thang sử dụng kết cấu thép mạ kẽm nhúng nóng.

###### 5.1.2. Cầu dẫn:

a. Nền cọc: Tổng số 155 cọc, gồm 67 cọc PC đường kính 700 mm dày 130 mm, 60 cọc PHC đường kính 700 mm, dày 110 mm loại C, đóng thẳng; 28 cọc PHC đường kính 700 mm, dày 110 mm loại C, đóng xiên 10:1.

b. Hệ thống dầm, sàn:

- Hệ thống dầm bao gồm dầm ngang, dầm dọc và đài cọc bằng BTCT đá 1x2 cm, cường độ 35 Mpa; kích thước (bxh) của dầm ngang là 1.000 mm × 1.400 mm, dầm dọc là 1.000 mm × 1.400 mm.

- Sàn BTCT đá 1x2 cm, dày 400 mm, cường độ là 35 Mpa, phía trên phủ lớp bê tông có chiều dày từ 50 mm đến 100 mm.

**5.1.3 Mố cầu dẫn:** Mố cầu dẫn có dạng kết cấu tường góc trên nền cọc.

a. Nền cọc: Tổng số 48 cọc, gồm 16 cọc PC đường kính 500 mm, dày 100 mm, đóng xiên 5:1 và 32 cọc PC đường kính 500 mm, dày 100 mm, đóng thẳng.

b. Hệ thống tường góc: Hệ thống tường góc gồm bản đáy, bản thành và tường cánh bằng BTCT đá 1x2 cm, cường độ 35 Mpa; Kích thước: bản đáy dày 550 mm, bản thành dày 300 mm, bản cánh dày 200 mm.

**5.1.4 Nạo vét:** Khu nước trước bến được nạo vét đến cao độ -17,5m (hệ cao độ Hòn Dấu), mái dốc nạo vét là m=4.

## **5.2. Hạng mục 2: Kè bảo vệ bờ.**

Kè bảo vệ bờ có tổng chiều dài là 702,9m với kết cấu dạng kè mái nghiêng m=3,5, bề rộng đỉnh kè 1 m, kết cấu mái kè dạng đá đổ M=22 kg, dày 0,4 m và đá đổ M=3 kg, dày 0,2 m. Kết cấu chân kè dạng đá đổ có bề dày 1,2 m, đáy chân khay có chiều rộng 3,5 m.

## **5.3. Hạng mục 3: San lấp và xử lý nền.**

### **5.3.1. Tải trọng thiết kế.**

Xử lý nền được thiết kế với tải trọng:

- Tĩnh tải: Bao gồm tải trọng của vật liệu đắp;
- Hoạt tải:
  - + Bãi container thường và container lạnh (Khu A1 ÷ A5): 40 kN/m<sup>2</sup>;
  - + Phạm vi nhà kho và bãi container rộng (Khu B1, B2, B3): 30 kN/m<sup>2</sup>;
  - + Đường nội bộ, công trình phụ trợ, dịch vụ (Khu C1, C2): 20 kN/m<sup>2</sup>.

### **5.3.2. Giải pháp san lấp:**

Dùng sà lan bơm cát san lấp vào phạm vi khu vực dự án từ 02 phía sông Thị Vải và sông Bà Hạo; bóc lớp đất hữu cơ trên mặt đến cao trình bóc hữu cơ là +0,0m (bề dày trung bình của lớp hữu cơ được bóc đi khoảng 1,0m). Những vị trí có cao trình thấp hơn +0,0m chỉ làm sạch mặt bằng, loại bỏ thực vật, rễ cây....

### **5.3.3 Giải pháp xử lý nền.**

- Sử dụng bơm hút chân không kết hợp PVD và gia tải trước bằng cát.
- Cao trình đắp gia tải:
  - + Tại khu 20 kN/m<sup>2</sup>: +4,50 m (hệ cao độ Hòn Dấu);
  - + Tại khu 30 kN/m<sup>2</sup> và 40 kN/m<sup>2</sup>: +6,00 m (hệ cao độ Hòn Dấu).
- Mức độ cố kết: U = (95 ÷ 98) % tùy khu vực xử lý.

## **5.4. Hạng mục 4: Đường, bãi và cầu vượt nội bộ.**

### **5.4.1. Đường nội bộ.**

Hệ thống đường nội bộ bao gồm 04 tuyến chính (MR.01-MR.04) và 04 tuyến đường phụ (BR.01-BR.04), 01 tuyến đường phía trước cảng. Cao độ tim tuyến +2,88 m (hệ cao độ Hòn Dấu), tổng chiều dài tuyến là 0,74 km.

- Trắc dọc: Cao trình vai đường là +2,8 m (hệ cao độ Hòn Dấu).



- Thiết kế nền đường: 500 mm bên dưới đáy lớp kết cấu áo đường được đầm chặt đến độ chặt K98 (CBR = 8%). Nền san lấp đến cao trình + 2,0 m (hệ cao độ Hòn Dấu), độ chặt K90, từ cao trình +2,0 m (hệ cao độ Hòn Dấu) đến đáy lớp cát K95, nền có độ chặt K95 (CBR = 5%).

- Kết cấu áo đường:

+ Áo đường loại I: gạch bê tông tự chèn. Kết cấu bao gồm: gạch bê tông tự chèn, kích nước 200 × 100 × 80 (mm), đệm cát 30 mm, đá gia cố xi măng 6%, dày 400 mm, cấp phối đá dăm loại II, dày 240 mm, CBR ≥ 80 %, cát đắp K=0,98 dày 500 mm trên nền đầm chặt K= 0,95.

+ Áo đường loại II: Áo đường cứng, kết cấu chính như sau: tấm bê tông cốt thép, dày 450 mm, cấp phối đá dăm loại II, dày 150 mm, cát đắp K98, dày 500 mm trên nền đầm chặt K= 0,95.

+ Áo đường loại III: gạch bê tông tự chèn, áp dụng cho khu văn phòng, bãi để xe. Kết cấu bao gồm: gạch bê tông tự chèn, kích nước 200 x 100 x 80 mm, đệm cát 30 mm, cấp phối đá dăm loại II, dày 150 mm, CBR = 30 %, cát đắp K=0,98, dày 500 mm trên nền đầm chặt K= 0,95.

+ Áo đường cho đường trước cảng: bê tông nhựa polime C12,5, dày 30 mm, nhựa dính bám 0,5 kg/m<sup>2</sup>, bê tông nhựa chặt C12,5, dày 50 mm, nhựa dính bám 0,5 kg/m<sup>2</sup>, bê tông nhựa chặt C19, dày 70 mm, nhựa thấm bám 1kg/m<sup>2</sup>, lưới địa kỹ thuật chống nứt mặt đường, đá gia cố xi măng 5%, dày 150 mm, cấp phối đá dăm loại I, dày 570 mm, đất đắp K98, dày 300 mm và cát san lấp K95.

+ Kết cấu của phần đường tạm bao gồm: bê tông nhựa C19, dày 100 mm, cấp phối đá dăm loại I, dày 300 mm, cấp phối đá dăm loại II, dày 150 mm, cát san lấp K95.

#### 5.4.2 Bãi container.

Các container được đặt trên các dầm kê container, có 02 loại dầm kê là dầm kê container thường và dầm kê container lạnh. Cụ thể: Dầm kê container thường, có 03 loại mặt cắt rộng 2,6 m, 2,0 m và 3,0 m (loại 01, 02, 03); Dầm kê giàn container lạnh, bề rộng dầm là 3,5 m, 3,0 m, 2,6 m và 2,0 m (loại 01, 02, 03, 04); Các dầm kê chịu tải trọng tối đa cho 06 tầng container thường và 04 tầng cho container lạnh.

- Dầm cầu RTG là 1,5 m, dày 400 mm, dài 30 m cho mỗi phân đoạn. Các dầm RTG được ghép nối liên tiếp chiều dài từ 210 đến 230 m, khoảng cách các đốt dầm là 30 m, các dầm được phân cách bởi mạch ngừng dài 20 mm.

- Các dầm kê container, RTG được đặt trên nền móng cấp phối đá dăm, bao gồm 02 lớp đá dăm móng trên và móng dưới dày 250 mm và 500 mm, chỉ số CBR tương ứng cho các lớp là 30 % và 80 %.

- Đối với khu vực bề dày đất yếu lớn, các dầm kê container và dầm RTG sẽ được đặt trên nền cọc PHC D500, dài từ 42 m.

#### 5.4.3. Cầu vượt nội bộ.

Các cầu vượt tuyến ống bao gồm một nhịp giản đơn DƯL căng trước, chiều dài L=33 m. Cao độ tim tuyến là +2,80 m (hệ cao độ Hòn Dấu). Mố cầu BTCT đặt trên nền cọc khoan nhồi, đường kính cọc từ 1,2 m đến 1,5 m. Mặt cắt ngang cầu sử dụng 11 phiến dầm, khoảng cách giữa các dầm là 1,60 m; Bề rộng xe chạy 4 × 3.750 mm, dải lan can 2 bên 2 × 1.000 mm, tổng bề rộng cầu 17.000 mm.

- Kết cấu phần trên: Dầm chủ DƯL I33 căng trước, đúc sẵn; Bản mặt cầu bằng BTCT, fck = 35 MPa, đổ tại chỗ dày 200 mm; Lớp phủ mặt cầu bằng bê tông tạo phẳng, bề dày từ 50 mm - 130 mm, tạo dốc 1% về hai bên, thoát nước bằng dốc ngang mặt cầu, các lỗ thu nước được đặt tại mép lề đường, khoảng cách từ 8,0 m - 8,5 m; Gối cầu cao su



bản thép, kích thước 350 mm × 450 mm, dày 78 mm; Khe co giãn bằng cao su bản thép; Lê đường rộng 1,0 m được bố trí 02 bên; Hào kỹ thuật BTCT, nắp hào bằng vật liệu composite; Lan can thép mạ kẽm.

- Kết cấu phần dưới: Kết cấu móng chữ U, bằng BTCT. Móng cọc khoan nhồi đường kính từ 1,2 m đến 1,5 m, chiều dài cọc dự kiến từ 41m đến 65 m. Mỗi móng bố trí 10 cọc.

- Đường đầu cầu: Phần đường đầu cầu có quy mô tương tự như phần tuyến chính dẫn đến cầu. Nền đắp trên nền CDM đường kính 1,0 m, chiều sâu từ 28 m đến 45 m, cường độ yêu cầu của CDM 600 kPa. Độ dốc mái taluy nền đắp là 1:2, taluy được bọc sét 0,5 m và trồng cỏ.

#### 5.5. Hạ tầng kỹ thuật:

Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật cho toàn bộ khu đường, bãi bao gồm: Cấp nước sinh hoạt, chữa cháy; Thoát nước sinh hoạt, thoát nước mưa; Cấp điện động lực, điện chiếu sáng, thông tin liên lạc ...

#### 5.6. Công trình phụ trợ:

Các công trình phụ trợ bao gồm: Nhà kho CFS (2 kho); Xưởng bảo trì; Nhà văn phòng điều hành; Nhà hải quan; Trạm thu gom rác; Trạm bơm và bể chứa nước; Bể chứa nước thải; Trạm điện bến và bãi; Trạm điện khu văn phòng; Căn tin; Nhà nghỉ công nhân; Trạm cấp nhiên liệu; Trạm phòng cháy chữa cháy; Trạm cân; Nhà văn phòng hải quan; Công cảng; Nhà bảo vệ, hàng rào ...

### IV. Tổng dự toán.

#### Tổng giá trị dự toán Phân kỳ 1:

DVT: Đồng.

1	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	8.079.765
2	Chi phí xây dựng	3.061.162.963
3	Chi phí thiết bị	1.107.935.090
4	Chi phí Quản lý dự án	22.861.818
5	Chi phí Tư vấn Đầu tư xây dựng	57.356.664
6	Chi phí khác	43.590.182
7	Chi phí dự phòng	198.783.831
8	Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	306.707.009
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.806.477.322</b>
	<i>Bằng chữ: Bốn ngàn, tám trăm lẻ sáu tỷ, bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm hai mươi hai ngàn đồng.</i>	

### B. Thiết kế Bản vẽ thi công và Dự toán San lấp Khu Dịch vụ hậu cần Cảng.

#### I. Thông tin chung về Dự án.



1. Tên công trình: Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An.
2. Loại, cấp công trình: San lấp khu dịch vụ hậu cần cảng.
3. Thuộc dự án: Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng (Logistic).
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên hệ:
  - Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An.
  - Địa chỉ: Khu Dịch vụ hậu cần Cảng Phước An, ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
  - Điện thoại: 0251 3685588.
5. Địa điểm xây dựng: xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: 5.873.578.908.000 đồng.
7. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
  - Địa hình: Liên danh Thế hệ + Mỏ địa chất.
  - Địa chất: Tổng Công ty Tư vấn thiết kế dầu khí – CTCP (PVE).
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Xây dựng Nam Hưng Thịnh và Công ty An Sơn.
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng.
10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: Căn cứ Nghị quyết số 189/NQ-PAP ngày 10/06/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư khai thác Cảng Phước An về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn xây dựng áp dụng cho công tác khảo sát và thiết kế dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu cần Cảng.

## **II. Thành phần hồ sơ (theo phụ lục đính kèm).**

### **III. Nội dung thiết kế.**

1. Quy mô xây dựng: San lấp Khu dịch vụ hậu cần quy mô diện tích 550,24ha.  
Trong đó:
  - Cao độ nền xây dựng theo quy hoạch mới Đô thị Nhơn Trạch tại Quyết định số 455/QĐ-TTg ngày 22/6/2016 được quy định cao độ nền xây dựng tối thiểu bằng 2,3m. Khu vực xây dựng lựa chọn cao độ san nền là 2,3m (hệ cao độ Hòn Dấu);
  - Hướng san nền chung cho toàn khu đất theo độ dốc tự nhiên về phía các trục tiêu thoát nước chính của khu vực nghiên cứu;
  - Trong khuôn viên công trình đảm bảo độ dốc  $\geq 0,4\%$  cho nước mưa tự chảy về hệ thống thoát nước một cách thuận lợi;
  - Khu vực quy hoạch là đất trồng sắn mì, hoa màu, có các ao trũng. Do vậy trước khi san lấp cần phải bóc bỏ lớp bùn nhão hoặc đất hữu cơ trên bề mặt và trong lòng các rãnh để đảm bảo cường độ và độ ổn định của nền đắp. Chiều dày bóc trung bình 0,2m. Khối lượng bùn và đất hữu cơ này sẽ được sử dụng để san lấp vào các khu vực đã quy hoạch trồng cây xanh trong khu đô thị. Cũng có thể sử dụng một phần để đắp lề đường (lớp mặt bên trên trồng cỏ) để giảm tối đa sự vận chuyển đi nơi khác;
  - Độ chặt yêu cầu của nền đắp  $K=0,90$ . Mái taluy bên ngoài được trồng cỏ để bảo vệ và tăng tính ổn định.
    - + Cao độ san nền +2,3m.
    - + Độ chặt yêu cầu của nền đắp các lô  $K=0,90$ .
    - + Độ chặt yêu cầu của nền đắp lô cây xanh  $K=0,85$ .



- + Vết bùn, hữu cơ trung bình 0,2 m.
- + Vật liệu đắp bằng cát.
- + Phương pháp tính khối lượng san nền chia ô lưới kích thước 50x50m, tính khối lượng.

#### IV. Tổng dự toán:

ĐVT: Đồng

1	Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng	1.439.842.089.000
2	Chi phí xây dựng	3.807.445.075.000
3	Chi phí Quản lý dự án	25.925.240.000
4	Chi phí Tư vấn Đầu tư xây dựng	56.002.897.000
5	Chi phí khác	92.578.892.000
6	Chi phí dự phòng	119.745.221.000
7	Chi phí lãi vay trong thời gian xây dựng	332.039.494.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.873.578.908.000</b>
	<i>Bằng chữ: Năm ngàn, tám trăm bảy mươi ba tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm lẻ tám ngàn đồng.</i>	

#### C. Kết luận và kiến nghị.

Đối với Hồ sơ Phân kỳ 1 khu cảng: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Phân kỳ 1 điều chỉnh với mục tiêu tăng thêm 01 (một) bến cảng và cập nhật các giải pháp thiết kế mới nhằm bù cho tiến độ đã bị chậm cũng như giúp tiết giảm các chi phí trong xây dựng do đơn vị tư vấn Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế cảng – kỹ thuật Biển lập tháng 11/2021. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Viện Xây dựng Công trình Biển thẩm tra báo cáo số 182/2021/BCTT ngày 29/11/2021; được cục QLXD&CLCTGT của Bộ Giao thông vận tải thông báo kết quả thẩm định thiết kế tại văn bản số 289/CQLXD-CNPN ngày 28/01/2022 và được Viện xây dựng công trình biển thẩm tra dự toán. Như vậy, Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công Phân kỳ 1 dự án cảng Phước An đã phù hợp quy định hiện hành, giải pháp kết cấu hợp lý; tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy. Khối lượng, định mức, đơn giá, hệ số tỷ lệ định mức trong dự toán phù hợp với các quy định hiện hành.

Đối với khu Dịch vụ hậu cần: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần do Liên danh Công ty cổ phần Tư vấn và đầu tư xây dựng Nam Hưng Thịnh và Công ty Cổ phần An Sơn lập được Viện khoa Học công Nghệ xây dựng – Bộ xây dựng thẩm tra phù hợp với quy định hiện hành, giải pháp thiết kế phù hợp; tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng; tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy. Khối lượng định mức, đơn giá, hệ số tỷ lệ định mức trong dự toán phù hợp với các quy định hiện hành.

Hiện nay, Hạ tầng quanh khu vực dự án với nhiều công trình trọng điểm đã được các cấp bộ, ngành quan tâm, đầu tư: tuyến đường cao tốc Bến Lức - Long Thành, tuyến đường Dầu Giây – Phan Thiết, tuyến đường Dầu Giây – Liên Khương, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu, các tuyến đường Vành đai 3 đoạn Tân Vạn – Nhơn Trạch, Vành đai 4 của Thành phố Hồ Chí Minh, các cụm cảng biển nhóm 5 Phước An – Nhơn Trạch, Cầu Phước An, Đường Liên Cảng Cái Mép – Thị Vải, Dự án cảng hàng không quốc tế Long

0103,  
 NG T  
 PHẢ  
 H ĐẢ  
 I TH  
 PHƯỚC  
 SH-T.

Thành đang được triển khai xây dựng. Đặc biệt Dự án Tuyến đường vào Cảng Phước An theo hình thức BOT đã được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt nhà đầu tư và đang hoàn thiện để ký Hợp đồng với nhà đầu tư dự kiến trong tháng 5/2022, như vậy Cảng Phước An được thừa hưởng cơ sở hạ tầng hiện hữu, được kết nối thuận tiện tới các khu vực lân cận, trong và ngoài khu vực bằng hệ thống giao thông, thông suốt. Đặc biệt, Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An là khu Logistic duy nhất không những của tỉnh Đồng Nai nói riêng và khu vực phía Nam nói chung được quy hoạch đồng bộ với cảng biển, kết nối thuận tiện bằng cả đường biển quốc tế, đường bộ cao tốc hiện đại và đường thủy nội địa.

Trên cơ sở Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán đã được các cơ quan chuyên môn thẩm tra, thẩm định theo các quy định hiện hành. Để sớm đưa dự án vào khai thác đáp ứng một phần nhu cầu sử dụng cảng, kho bãi nhà xưởng của các nhà đầu tư mang lại hiệu quả cho các cổ đông Ban Quản lý dự án kính đề nghị Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, trình Đại hội cổ đông thông qua các nội dung, cụ thể:

1. Phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công, Dự toán Phân kỳ 1 khu cảng; Thiết bản vẽ thi công, dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần của Dự án Cảng Phước An và Khu dịch vụ hậu Cảng.

2. Giao Hội đồng quản trị xem xét, quyết định:

- Trong quá trình triển khai các bước tiếp theo, để đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án, Hội đồng Quản trị quyết định/ phê duyệt điều chỉnh bổ sung Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán Phân kỳ 1 điều chỉnh; Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán san lấp khu dịch vụ hậu cần (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế, báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong cuộc họp gần nhất.

- Quyết định các thủ tục liên quan đến Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán của Phân kỳ 1 điều chỉnh khu cảng và San lấp khu Dịch vụ hậu cần của Dự án Cảng Phước An và Khu Dịch vụ hậu cần theo các quy định hiện hành, đảm bảo tiến độ đầu tư và hiệu quả đầu tư dự án.

Trân trọng./.

**TM. BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

**GIÁM ĐỐC**



**Trương Hoàng Hải**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng giám đốc( để b/c);
- Lưu VT, BQLDA.

